

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2021

V/v: *Tranh chấp ly hôn và
nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tính và ông Phạm Văn Tàn

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST - DS, ngày 23 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST ngày 10/3/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C sinh năm 1982 .

Trú tại: Thôn Ngh, TT Ph, huyện C, tỉnh Thanh hoá. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân B sinh năm 1983

Trú tại: Thôn Ngh, TT Ph, huyện C, tỉnh Thanh hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2020 và bản tự khai nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân B kết hôn với nhau ngày 06/02/2009. Hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, Thanh Hóa (Quê của chị C). Sau khi kết hôn vợ chồng chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B có những mối quan hệ với người khác, chị đã góp ý nhưng anh không thay đổi. Trong công việc làm ăn, vợ chồng không có sự thống nhất. Ngoài ra chị và anh còn mâu thuẫn về tôn giáo, con Đg còn nhỏ nhưng ngày nào cũng bắt đi lễ, học giáo lý ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt của các con. Chị góp ý thì anh cầm dao dọa giết và đánh chị trước mặt con. Nay

mâu thuẫn của vợ chồng không thể giải quyết được, tình cảm không còn chị xin được ly hôn anh B.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân B trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị C như chị C trình bày là đúng thực tế. Năm 2011, do anh đi làm xa nhà, sáng đi chiều về. Nên khi về anh đặc biệt quan tâm nhiều hơn đến con để vợ được nghỉ ngơi, nhưng chị cho rằng anh không quan tâm đến chị và mâu thuẫn bắt đầu từ đó. Đến khi chị C đi làm, vào tháng 12/2013 anh phát hiện chị có mối quan hệ bất chính với người khác. Vì để giữ gìn gia đình, con cái không bị tổn thương nên anh đã bỏ qua cho chị. Nhưng chị không thay đổi, khi vợ chồng đi làm ở Hòa Bình chị tiếp tục quan hệ bất chính với người thứ hai. Anh không chịu đựng được nữa nên đã đưa con đầu về quê. Chị C ở lại và vẫn giữ mối quan hệ với người khác. Trước tết năm 2018, không biết lý do gì, chị C gọi anh để chuyển đồ về quê. Vì nghĩ đến con cái, gia đình anh đã bỏ qua tất cả mong chị tập trung làm ăn và chăm sóc con cái. Nhưng chị không dừng lại ở đó, tiếp tục uy hiếp đến đời sống đức tin của các con và đánh con khi đi dự lễ trong nhà thờ. Ngày sinh nhật của chị C anh có viết lên tờ giấy đưa cho con tặng mẹ với nguyện vọng mẹ đừng cấm con đi nhà thờ, mong mẹ một lần đưa con đến nhà thờ để dự lễ thì chị vo từ giấy ném vào mặt con và đánh con. Do bức xúc nên anh có lấy dao dọa chị. Nay chị C nhất quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị C.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có hai con chung cháu Nguyễn Anh T – Sinh ngày 19/01/2011 và Nguyễn Diệu Linh Đ – Sinh ngày 29/01/2013.

Chị C có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Còn nếu anh B cũng có nguyện vọng nuôi con thì chia cho mỗi người nuôi một con. Cháu Linh Đ Đg còn nhỏ, nếu phải chia đôi thì chị muốn được nuôi cháu. Anh B cũng có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị C và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PC phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, điều 58 và điều 81, điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị C được ly hôn anh B.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 19/01/2011 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Giao cháu Nguyễn Diệu Linh Đ cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Chị C và anh B không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết.
Về án phí: Chị C phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Xuân B trú tại: Thôn Ngh, TT Ph, huyện PC, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, việc chị C khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PC, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Xuân B được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị C và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng là do anh B có những mối quan hệ với người khác, giữa anh và chị bất đồng quan điểm trong công việc và vấn đề tôn giáo. Anh B trình bày mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là do chị có mối quan hệ với người khác và còn uy hiếp đến đời sống đức tin của các con. Nay chị C xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị C.

Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, phát triển ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị C được ly hôn anh B.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung: Nguyễn Anh T – Sinh ngày 19/01/2011 và Nguyễn Diệu Linh Đ – Sinh ngày 29/01/2013.

Chị C có nguyện vọng được nuôi cháu Linh Đ, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Nguyện vọng nuôi con của chị và anh đều chính đáng. Tòa án hỏi nguyện vọng thì các cháu đều trình bày là muốn ở cả với bố và mẹ, cháu Đ nếu phải lựa chọn thì cháu chọn ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con, căn cứ vào điều kiện thực tế của chị và anh nên giao cháu T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên theo quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản: Chị C và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị C phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị C được ly hôn anh B

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Anh T – Sinh ngày 19/01/2011 và Nguyễn Diệu Linh Đ – Sinh ngày 29/01/2013. Giao cháu T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên, giao cháu Đ cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị C và anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Xuân B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị C phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003396, ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị C đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thủy.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thủy.
- UBND TT Ph
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Ánh Tuyết

